

GIẤY PHÉP KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023; Luật 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 1762/QĐ-TTg ngày 31/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tiền Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét Văn bản đề nghị cấp giấy phép khai thác nước dưới đất của Tổ hợp tác cấp nước sinh hoạt nông thôn ấp 6 ngày 24/02/2026 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 3363/TTr-SNN&MT ngày 17/3/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Tổ hợp tác cấp nước sinh hoạt nông thôn ấp 6, địa chỉ tại ấp 6, xã Thạnh Phú, tỉnh Đồng Tháp được khai thác nước dưới đất với các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên công trình: Giếng khoan GK1, GK2 tại Trạm cấp nước ấp 6.
- Mục đích khai thác nước dưới đất: phục vụ sinh hoạt và sản xuất cho Nhân dân.
- Vị trí công trình khai thác nước dưới đất: ấp 6, xã Thạnh Phú, tỉnh Đồng Tháp.
- Tầng chứa nước khai thác:
 - Tầng chứa nước có áp Pliocen dưới (n_2^1) có lưu lượng khai thác là $120m^3/ngày$ đêm.

- Tầng chứa nước có áp Miocen trên (n_1^3) có lưu lượng khai thác là $120\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.

5. Tổng số giếng khai thác: 02 giếng.

6. Tổng lưu lượng nước khai thác: $240\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ (trong đó nước cấp cho sinh hoạt là $229,7\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$, nước cấp cho sản xuất là $10,3\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$).

7. Thời hạn của giấy phép: 05 năm, kể từ ngày 22/3/2026.

8. Chế độ khai thác: 365 ngày/năm.

9. Vị trí tọa độ, lưu lượng và các thông số của công trình cụ thể như sau:

Số hiệu	Tọa độ (VN2000, kinh tuyến trục 105^0 , múi chiều 3^0)		Chiều sâu đặt ống lọc (m)		Chiều sâu mực nước động lớn nhất cho phép (m)	Tầng chứa nước khai thác
	X	Y	Từ	Đến		
GK1	1159449	612876	326	346	35	n_2^1
GK2	1160210	612396	400	420	35	n_1^3

(có sơ đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước kèm theo)

Điều 2. Yêu cầu đối với Tổ hợp tác cấp nước sinh hoạt nông thôn ấp 6:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này, nếu thay đổi nội dung quy định tại Điều 1 phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản.

2. Thực hiện quan trắc, giám sát và báo cáo tình hình khai thác tài nguyên nước

a) Thực hiện quan trắc, giám sát khai thác tài nguyên nước

- Thực hiện giám sát định kỳ đối với lưu lượng khai thác của công trình, mực nước tại mỗi giếng khai thác, chế độ giám sát không quá 24 giờ 01 lần và phải cập nhật số liệu vào hệ thống giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước của tỉnh hoặc Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia trước 10 giờ sáng ngày hôm sau.

- Thực hiện giám sát định kỳ đối với chất lượng nước trong quá trình khai thác tại vị trí mỗi giếng khai thác (GK1, GK2); thông số quan trắc gồm: pH, Tổng Coliform, Nitrate, Nitrite, Amoni, Chỉ số Permanganat, Tổng chất rắn hòa tan (TDS), Độ cứng, Arsenic, Chloride, Sắt, Mangan; tần suất quan trắc: 01 lần/năm và thực hiện cập nhật số liệu vào hệ thống giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước của tỉnh hoặc Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả phân tích.

b) Báo cáo định kỳ (trước ngày 30 tháng 01 của năm tiếp theo) tình hình khai thác tài nguyên nước theo Mẫu 61 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số

23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ và thông tin, số liệu khác về hoạt động khai thác tài nguyên nước của công trình, gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường và cập nhật báo cáo vào hệ thống giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước của tỉnh hoặc Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia theo quy định.

3. Lắp đặt, cắm biển chỉ dẫn, bảo vệ biển chỉ dẫn về vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt đối với công trình khai thác; bảo vệ nguồn nước khu vực lấy nước; theo dõi, giám sát các hoạt động trong vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình theo quy định.

4. Thực hiện đầy đủ các quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch cho mục đích sử dụng; tuân thủ các quy định về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành có liên quan đến sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch.

5. Nếu có sự thay đổi nội dung của Giấy phép phải thực hiện các thủ tục đề nghị cấp phép hoặc điều chỉnh hoặc cấp lại thì phải lập hồ sơ đề nghị cấp phép và hồ sơ điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (nếu có) gửi đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

6. Nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, thuế tài nguyên (nếu có) và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 42 của Luật Tài nguyên nước.

8. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Nông nghiệp và Môi trường trong quá trình khai thác công trình trên. Trường hợp gây ô nhiễm, ảnh hưởng xấu tới nguồn nước, môi trường và các đối tượng khai thác, sử dụng nước khác hoặc xảy ra sự cố công trình, sụt, lún đất hoặc các sự cố bất thường khác thì phải dừng ngay việc khai thác, kịp thời xử lý, khắc phục sự cố, bồi thường thiệt hại (nếu có); thông báo kịp thời tới Ủy ban nhân dân cấp xã, Sở Nông nghiệp và Môi trường và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm cập nhật thông tin của giấy phép này vào hệ thống giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước của tỉnh hoặc Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia; theo dõi, giám sát hoạt động khai thác nước dưới đất của công trình này.

Điều 4. Tổ hợp tác cấp nước sinh hoạt nông thôn áp 6 được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 42 của Luật Tài nguyên nước và quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày 22/3/2026 và thay thế Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 300/GP-UBND ngày 06/12/2022 và

Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 68/GP-UBND ngày 22/3/2021 do Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang cấp. Chậm nhất bốn mươi lăm (45) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Tổ hợp tác cấp nước sinh hoạt nông thôn ấp 6 còn tiếp tục khai thác nước dưới đất như quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định. / *muon*

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Quản lý tài nguyên nước;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Thuế tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Thạnh Phú;
- THT cấp nước SHNT ấp 6;
- VPUB: CVP và các PCVP, các Phòng nghiên cứu;
- Lưu: VT, Nguyên.

5

KT. CHỦ TỊCH *moa*
PHÓ CHỦ TỊCH

Thanh

Nguyễn Thành Diệu